ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2963 /UBND-NNTNMT V/v cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới.	*Thái Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2014*

Kính gửi:
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);
- Ủy ban nhân dân các huyện: Thái Thụy, Đông Hưng, Kiến Xương, Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Vũ Thư;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà.

Xét đề nghị của Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình tại Tờ trình số 75/TTr-QĐTPT ngày 26/9/2014 về việc cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Đồng ý giao Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà tiếp tục cấp xi măng cho các xã, thị trấn đã thực hiện nghiêm túc Thông báo số 14/VP-TB ngày 29/4/2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc các huyện Thái Thụy, Đông Hưng, Kiến Xương, Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Vũ Thư, với tổng khối lượng 10.192,65 tấn, trong đó:

+ Huyện Thái Thụy:	2.321,65 tấn;
+ Huyện Đông Hưng:	1.214,45 tấn;
+ Huyện Kiến Xương:	1.166,50 tấn;
+ Huyện Hưng Hà:	3.097,75 tấn;
+ Huyện Quỳnh Phụ:	2.026,90 tấn;
+ Huyện Vũ Thư:	365,40 tấn;

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo),

Số lượng xi măng trên đã được phê duyệt tại các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Yêu cầu:

+ Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng cấp cho các xã, thị trấn thuộc các huyện Thái Thụy, Đông Hưng, Kiến Xương, Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Vũ Thư trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

+ Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo khối lượng xi măng được cấp tại Công văn này;

+ Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với: Ủy ban nhân dân các huyện Thái Thụy, Đông Hưng, Kiến Xương, Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Vũ Thư; doanh nghiệp cung ứng xi măng giao xi măng cho các xã, thị trấn theo khối lượng được cấp tại Công văn này;

+ Ủy ban nhân dân các huyện Thái Thụy, Đông Hưng, Kiến Xương, Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Vũ Thư; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn được cấp xi măng hỗ trợ thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình đảm bảo quy định của tỉnh và quy định của Nhà nước./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục

KHỐI LƯỢNG XI MĂNG CẤP CHO CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC CÁC HUYỆN THÁI THỤY, ĐÔNG HƯNG, KIẾN XƯƠNG, HƯNG HÀ, QUỲNH PHỤ, VŨ THƯ

(Kèm theo Công văn số 2963 /UBND-NNTNMT ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh).

(ĐVT: Tấn)

TT	Huyện/xã, thị trấn	Lượng xi măng được duyệt (tấn)	Lượng xi măng đã nhận (tấn)	Lượng xi măng được cấp tiếp (tấn)	Thời gian nhận
I	**Huyện Thái Thụy**			**2.321,65**	
1	Thái Tân	3.225,50	2.267,60	801,00	29/9 - 10/11/2014
2	Thụy Duyên	1.923,80	1.820,20	101,10	29/9 - 15/10/2014
3	Thụy Tân	1.502,30	509,40	753,95	29/9 - 31/10/2014
4	Thụy Liên	3.434,80	2.309,55	457,20	29/9 - 31/10/2014
5	Thái Thịnh	2.459,70	2.303,30	146,20	29/9 - 05/10/2014
6	Thụy Văn	171,10	0,00	62,20	29/9 - 10/10/2014
II	**Huyện Đông Hưng**			**1.214,45**	
1	An Châu	4.108,20	2.802,05	893,10	29/9 - 31/10/2014
2	Phong Châu	1.856,60	1.617,55	239,05	29/9 - 20/10/2014
3	Đông Phương	1.128,40	1.042,30	82,30	29/9 - 06/10/2014
III	**Huyện Kiến Xương**			**1.166,50**	
1	Đình Phùng	822,50	603,80	218,70	29/9 - 15/11/2014
2	Nam Cao	2.134,70	1.929,90	178,30	01/10 - 15/11/2014
3	Quốc Tuấn	3.166,40	2.396,90	769,50	29/9 - 31/10/2014
IV	**Huyện Hưng Hà**			**3.097,75**	
1	Minh Khai	2.181,30	975,10	520,00	29/9 - 20/10/2014
2	Duyên Hải	3.372,90	2.855,00	228,20	29/9 - 15/10/2014
3	Hồng An	7.987,70	7.010,05	977,65	29/9 - 10/11/2014
4	Chí Hòa	4.951,40	2.444,10	242,50	29/9 - 15/10/2014
5	Thị trấn Hưng Nhân	1.780,60	651,20	1.129,40	29/9 - 25/11/2014
V	**Huyện Quỳnh Phụ**			**2.026,90**	
1	Quỳnh Hải	1.108,80	927,30	181,50	05/10 - 30/10/2014

2	Quỳnh Châu	1.119,90	653,80	451,00	05/10 - 31/10/2014
3	An Mỹ	3.157,70	2.228,10	111,00	29/9 - 15/10/2014
4	An Cầu	1.642,80	559,60	404,20	29/9 - 20/11/2014
5	An Ấp	2.457,60	2.210,90	46,80	02/10 - 05/10/2014
6	Quỳnh Ngọc	3.770,40	2.544,70	600,30	01/10 - 15/11/2014
7	An Vinh	2.632,50	2.336,90	232,10	29/9 - 10/10/2014
VI	**Huyện Vũ Thư**			**365,40**	
1	Tân Phong	3.030,70	1.567,20	365,40	29/9 - 20/10/2014
Tổng (I+II+III+IV+V+VI)				**10.192,65**	
(Mười nghìn một trăm chín mươi hai tấn, sáu trăm năm mươi cân).					

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
01/10/2014 09:11:17